HƯỚNG DẪN CHỨNG NHẬN THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

QCVN XX:2020/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn và tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TĐC ngày ... tháng … năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Mục lục

[1. Phạm vi áp dụng 3](#_Toc4861097)

[2. Căn cứ thực hiện 3](#_Toc4861098)

[3. Thuật ngữ và định nghĩa 4](#_Toc4861099)

[3.1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa trong quy chuẩn kỹ thuật. 4](#_Toc4861100)

[3.2. Kiểu (model/type). 4](#_Toc4861101)

[3.3. Lô sản phẩm. 4](#_Toc4861102)

[3.4. Lô hàng. 4](#_Toc4861103)

[3.5. Họ sản phẩm. 4](#_Toc4861104)

[3.6. Mẫu đại diện 4](#_Toc4861105)

[3.7. Mẫu điển hình. 4](#_Toc4861106)

[3.8. Thử nghiệm mẫu. 4](#_Toc4861107)

[3.9. Thử nghiệm điển hình 4](#_Toc4861108)

[4. Xác định phạm vi áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật 4](#_Toc4861109)

[5. Xác định đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật 4](#_Toc4861110)

[6. Yêu cầu về ghi nhãn 5](#_Toc4861111)

[7. Yêu cầu về an toàn 5](#_Toc4861112)

[8. Chứng nhận hợp quy 5](#_Toc4861113)

[8.1. Quy trình chứng nhận hợp quy 5](#_Toc4861114)

[8.2. Thừa nhận kết quả thử nghiệm điển hình 5](#_Toc4861115)

[8.3. Hồ sơ chứng nhận hợp quy 6](#_Toc4861116)

[8.3.1. Hồ sơ chứng nhận theo phương thức 1 6](#_Toc4861117)

[8.3.2. Hồ sơ chứng nhận theo phương thức 7 7](#_Toc4861118)

[8.3.3. Hồ sơ chứng nhận theo phương thức 5 8](#_Toc4861119)

[8.3.4. Lấy mẫu và thử nghiệm 8](#_Toc4861120)

[9. Các tài liệu, biểu mẫu sử dụng 13](#_Toc4861121)

HƯỚNG DẪN CHỨNG NHẬN THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

QCVN XX:2020/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn và tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TĐC ngày ... tháng … năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)*

# Mục đích và phạm vi áp dụng

Văn bản này hướng dẫn việc chứng nhận hợp quy theo QCVN XX:2020/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn và tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử.

# Căn cứ thực hiện

QCVN XX:2020/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn và tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử (sau đây gọi tắt là Quy chuẩn kỹ thuật);

Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Thủ tướng chính phủ và quy định về ghi nhãn;

Thông tư số [28/2012/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2007/Q%C4%90-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1" \t "_blank) ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số [02/2017/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2007/Q%C4%90-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1" \t "_blank) ngày 31 tháng 03 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP.

Thông tư 27/2007/TT-BKHCN ngày 31/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các Hiệp định và Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp;

Tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17067:2015 Đánh giá sự phù hợp – Nguyên tắc cơ bản trong chứng nhận sản phẩm và hướng dẫn về chương trình chứng nhận sản phẩm;

Tiêu chuẩn ISO/IEC TR 17026:2015 Conformity assessment - Example of a certification scheme for tangible products;

Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 Hệ thống quản lý chất lượng các yêu cầu;

IECEE OD-4001-Ed 1.4 Factory Surveillance Report;

IECEE OD-2041-Ed 1.0 Guide on Product Families, Family Ranges or Series of Products;

IECEE CTL-OP 107 Guideline for photographs for CB test reports.

# Thuật ngữ và định nghĩa

## Các thuật ngữ đã được định nghĩa trong phần giải thích từ ngữ của Quy chuẩn kỹ thuật.

## Kiểu (model/type): Các sản phẩm có cùng một thiết kế, nguồn gốc linh kiện và nhà sản xuất và được mô tả bằng một nhóm ký tự. Tùy theo quy định của từng nhà sản xuất, đôi khi các sản phẩm có cùng kiểu nhưng có thể khác màu hoặc khác phụ kiện.

## Lô sản phẩm: Tập hợp các sản phẩm cùng kiểu với số lượng xác định.

## Lô hàng: Là lô sản phẩm thuộc duy nhất 1 tờ khai hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu và thuộc cùng 1 lần đăng ký chứng nhận hợp quy đối với hàng hóa sản xuất trong nước.

## Họ sản phẩm: Các sản phẩm khác kiểu nhưng có cùng thiết kế cơ bản. Xác định họ sản phẩm theo quy định tại phụ lục I.

## Mẫu đại diện: Các sản phẩm cùng kiểu, với số lượng theo quy định, được lấy ngẫu nhiên từ lô hàng và đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ lô hàng, dùng cho thử nghiệm mẫu để đánh giá, chứng nhận lô hàng.

## Mẫu điển hình: Các sản phẩm, thuộc một kiểu sản phẩm hoặc một số kiểu sản phẩm, có cấu hình tối đa so với các kiểu khác trong họ sản phẩm, được dùng để thử nghiệm điển hình cho họ sản phẩm. Xác định mẫu điển hình theo quy định tại phụ lục 1.

## Thử nghiệm mẫu: Các thử nghiệm trên mẫu đại diện của lô hàng. Thử nghiệm này bao gồm các chỉ tiêu thử nghiệm quan trọng về an toàn và các chỉ tiêu thử nghiệm mà kết quả thử nghiệm thường bị ảnh hưởng bởi quá trình sản xuất.

## Thử nghiệm điển hình: Các thử nghiệm trên mẫu thử điển hình của họ sản phẩm để làm căn cứ xác nhận họ sản phẩm phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của quy chuẩn kỹ thuật.

# Xác định phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật

Xác định một sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật này bằng cách xác định sản phẩm đó thuộc phạm vi áp dụng của các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Quy chuẩn kỹ thuật và không thuộc các trường hợp loại trừ nêu trong phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật.

Căn cứ để xác định sản phẩm thuộc phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn là tài liệu công bố của nhà sản xuất, tiêu chuẩn sản xuất, kết cấu của sản phẩm và phân tích hợp lý các tính năng của sản phẩm liên quan đến ứng dụng.

# Xác định đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật

Quy chuẩn kỹ thuật này không áp dụng đối với các đối tượng là hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Khoản 2, Điều 2, thông tư 07/2017/BKHCN ngày 16/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Quy chuẩn kỹ thuật này cũng không áp dụng đối với các lô hàng nhập khẩu có số lượng nhỏ hơn hoặc bằng số lượng quy định trong ***Bảng 1***.

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu lô hàng có số lượng ít được miễn kiểm tra không được gắn nhãn CR và bán các hàng hóa này ra thị trường. Các hàng hóa này chỉ được sử dụng nội bộ và tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn và tương thích điện từ đối với các hàng hóa này.

**Bảng 1:** Bảng quy định lô hàng số lượng ít, không áp dụng quy chuẩn kỹ thuật này

| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng được miễn kiểm tra** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Quạt điện dùng trong gia đình (quạt bàn, quạt đứng, quạt treo tường, quạt hộp, quạt trần, quạt phun sương, quạt thông gió, quạt đường ống (Duct fan) và các loại quạt tương tự khác dùng trong gia đình) | 02 |
| 3 | Thiết bị chăm sóc tóc dùng điện dùng trong gia đình (máy sấy tóc, máy tạo kiểu tóc, máy hấp tóc và các thiết bị chăm sóc tóc tương tự khác) | 02 |
| 4 | Thiết bị cung cấp nước nóng, lạnh dùng trong gia đình (bao gồm cả thiết bị có lọc nước) | 02 |
| 5 | Thiết bị đun nấu chất lỏng dùng trong gia đình (Nồi cơm điện, nồi áp suất, nồi nấu chậm, nồi hấp, ấm đun nước, phích điện, ấm sắc thuốc, máy làm sữa đậu nành và các thiết bị đun nấu tương tự khác dùng trong gia đình) | 02 |
| 6 | Bàn là điện dùng trong gia đình | 02 |
| 7 | Bình đun nước nóng có dự trữ dùng trong gia đình | 02 |
| 8 | Bơm nước dùng trong gia đình | 02 |
| 9 | Lò nướng lắp cố định dùng trong gia đình | 02 |
| 10 | Lò nướng, máy nướng bánh, vỉ nướng loại di động dùng trong gia đình | 02 |
| 11 | Máy sấy khô tay bằng điện dùng trong gia đình | 02 |
| 12 | Máy sấy quần áo dùng trong gia đình | 01 |
| 13 | Nồi chiên ngập dầu dùng trong gia đình | 02 |
| 14 | Thiết bị là bằng hơi nước dùng trong gia đình | 02 |
| 15 | Thiết bị làm mát không khí bằng bay hơi dùng trong gia đình | 02 |
| 16 | Máy mài cầm tay dùng điện (đến 100 mm) | 02 |
| 17 | Máy cưa đĩa cầm tay dùng điện (đến 160 mm) | 02 |
| 18 | Bình đun nước nóng nhanh dùng trong gia đình | 02 |
| 19 | Khoan cầm tay dùng điện (đến 1000 W) | 02 |
| 20 | Bóng đèn huỳnh quang có Ballat lắp liền | 10 |
| 21 | Máy hút bụi dùng trong gia đình | 02 |
| 22 | Máy giặt dùng trong gia đình | 01 |
| 23 | Tủ lạnh, tủ đông lạnh, tủ lạnh-đông dùng trong gia đình | 01 |
| 24 | Máy điều hòa không khí  | 01 |
| 25 | Máy sấy tóc dùng trong gia đình | 02 |
| 26 | Máy xay thịt, máy xay sinh tố, máy ép trái cây, máy đánh trứng dùng trong gia đình | 02 |
| 27 | Lò vi sóng dùng trong gia đình (bao gồm cả lò vi sóng kết hợp nướng) | 02 |
| 28 | Bếp điện lắp cố định dùng trong gia đình (bếp điện trở, bếp điện từ, bếp điện hồng ngoại và các loại bếp điện lắp cố định khác) | 01 |
| 29 | Bếp điện di động dùng trong gia đình (bếp điện trở, bếp điện từ, bếp điện hồng ngoại và các loại bếp điện di động khác) | 02 |

# Hướng dẫn về yêu cầu về ghi nhãn

Các thiết bị điện phải được ghi nhãn phù hợp với Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Thủ tướng chính phủ. Đồng thời ghi nhãn và hướng dẫn sử dụng của sản phẩm cũng phải phù hợp với quy định của các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện.

# Hướng dẫn về điện áp và tần số danh định

Nếu điện áp, tần số danh định của thiết bị điện là một giá trị thì giá trị đó phải bằng với giá trị điện áp, tần số danh định của lưới điện.

Nếu điện áp, tần số danh định của thiết bị điện là nhiều giá trị hoặc một dải giá trị thì giá trị điện áp, tần số danh định của lưới điện phải nằm trong dải giá trị hoặc nhiều giá trị đó.

Ví dụ: 50 Hz, 230 V, 50/60 Hz; 220 – 240 V.

# Hướng dẫn chứng nhận hợp quy

## Quy trình chứng nhận hợp quy

Thực hiện chứng nhận hợp quy theo hướng dẫn của Thông tư số [28/2012/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2007/Q%C4%90-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1" \t "_blank) ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số [02/2017/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2007/Q%C4%90-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1" \t "_blank) ngày 31 tháng 03 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [28/2012/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2007/Q%C4%90-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1" \t "_blank).

Các tổ chức chứng nhận cần tham khảo Thông tư số [28/2012/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2007/Q%C4%90-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1" \t "_blank) và Thông tư số [02/2017/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2007/Q%C4%90-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1" \t "_blank), tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17067:2015, tiêu chuẩn ISO/IEC TR 17026:2015, TCVN ISO 9001:2015 và IECEE OD-4001 để soạn thảo và ban hành quy trình chứng nhận làm căn cứ thực hiện việc chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật này.

Quy trình chứng nhận theo quy chuẩn kỹ thuật này phải đảm bảo đầy đủ và phù hợp với các tài liệu nêu trên.

Quy trình chứng nhận theo quy chuẩn kỹ thuật này phải được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đánh giá chấp thuận khi tổ chức chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

## Hướng dẫn xử lý đối với lô hàng không phù hợp quy chuẩn

Đối với các lô hàng nhập khẩu chứng nhận theo phương thức 7 không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tổ chức chứng nhận phải phát hành thông báo không phù hợp gửi đến doanh nghiệp yêu cầu chứng nhận và đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà nước mà doanh nghiệp đã đăng ký kiểm tra nhà nước cho lô hàng.

Đối với chứng nhận theo phương thức 1, phương thức 5 và chứng nhận theo phương thức 7 cho lô hàng sản xuất trong nước, chỉ khi có giấy chứng nhận phù hợp thì Doanh nghiệp mới có thể tiến hành các thủ tục tiếp theo để đưa sản phẩm ra lưu hành trên thị trường.

Đối với các trường hợp thử nghiệm và đánh giá kết quả thử nghiệm theo các phiên bản tiêu chuẩn nêu trong Danh mục thiết bị điện thì không phù hợp nhưng thử nghiệm và đánh giá kết quả thử nghiệm theo các phiên bản tiêu chuẩn mới hơn thì phù hợp. Trong trường hợp này, thử nghiệm và đánh giá kết quả thử nghiệm theo các phiên bản tiêu chuẩn mới hơn được chấp nhận làm căn cứ để chứng nhận hợp quy.

## Quy định về hồ sơ chứng nhận hợp quy

### Hồ sơ chứng nhận theo phương thức 1

Hồ sơ chứng nhận theo phương thức 1 phải bao gồm các nội dung sau:

* Văn bản yêu cầu chứng nhận hợp quy;
* Tài liệu xác nhận thông tin do Doang nghiệp đăng ký cung cấp và được thể hiện trên giấy chứng nhận của Doanh nghiệp;
* Tài liệu kỹ thuật bao gồm mô tả đặc tính kỹ thuật của thiết bị, sơ đồ mạch, danh mục các linh kiện, bộ phận chính;
* Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn lắp đặt sản phẩm;
* Ảnh chụp nhãn, tổng quát bên ngoài, tổng quát bên trong và chi tiết bên trong của sản phẩm nếu có thể tháo rời mà không làm hỏng sản phẩm;
* Tài liệu mô tả, so sánh sự khác biệt giữa các sản phẩm trong họ sản phẩm, phân tích để xác định họ sản phẩm và chọn mẫu điển hình (nếu có nhóm sản phẩm để chọn mẫu điển hình);
* Biên bản lấy mẫu/nhận mẫu;
* Kết quả thử nghiệm điển hình và đánh giá kết quả thử nghiệm điển hình;
* Kết quả so sánh sự phù hợp của hàng hóa thực tế và mô tả hàng hóa trong kết quả thử nghiệm điển hình được thừa nhận dựa trên việc so sánh nhãn, hình dạng bên ngoài, kết cấu và phân bố linh kiện bên trong, danh mục linh kiện (nếu có thừa nhận kết quả thử điển hình);
* Các chỉ tiêu không phù hợp và mô tả khắc phục sản phẩm (nếu có);
* Báo cáo đánh giá sản phẩm sau khắc phục (nếu có);
* Báo cáo đánh giá chứng nhận hợp quy;
* Bản lưu Giấy chứng nhận hợp quy;

### Hồ sơ chứng nhận theo phương thức 7

Hồ sơ chứng nhận theo phương thức 7 phải bao gồm các nội dung sau:

* Văn bản yêu cầu chứng nhận hợp quy (nếu có);
* Tài liệu xác nhận thông tin do Doang nghiệp đăng ký cung cấp và được thể hiện trên giấy chứng nhận của Doanh nghiệp (Nếu là hàng hóa sản xuất trong nước);
* Các tài liệu liên quan đến việc thử nghiệm và đánh giá kết quả thử nghiệm điển hình bao gồm:

+ Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn lắp đặt sản phẩm;

+ Ảnh chụp nhãn, tổng quát bên ngoài, tổng quát bên trong và chi tiết bên trong của sản phẩm nếu có thể tháo rời mà không làm hỏng sản phẩm;

+ Tài liệu mô tả, so sánh sự khác biệt giữa các sản phẩm trong họ sản phẩm, phân tích về việc nhóm sản phẩm và chọn mẫu điển hình (nếu có nhóm sản phẩm để chọn mẫu điển hình);

+ Kết quả thử nghiệm điển hình hoặc kết quả thử nghiệm điển hình được thừa nhận;

* Biên bản lấy mẫu.
* Kết quả so sánh sự phù hợp của hàng hóa thực tế và mô tả hàng hóa trong kết quả thử nghiệm điển hình dựa trên việc so sánh nhãn, hình dạng bên ngoài, kết cấu và phân bố linh kiện bên trong, danh mục linh kiện;
* Kết quả thử nghiệm mẫu đại diện lô hàng và đánh giá kết quả thử nghiệm;
* Báo cáo đánh giá lô hàng;
* Các nội dung về khắc phục sản phẩm (nếu có)

+ Các chỉ tiêu không phù hợp và mô tả về khắc phục sản phẩm;

+ Biên bản lấy mẫu sau khắc phục;

+ Kết quả thử nghiệm sau khắc phục;

+ Báo cáo đánh giá lô hàng sau khắc phục.

* Bản lưu Giấy chứng nhận hợp quy.

### Hồ sơ chứng nhận theo phương thức 5

Hồ sơ chứng nhận theo phương thức 5 như hồ sơ chứng nhận theo phương thức 1 nhưng thêm các nội dung về hồ sơ đánh giá và giám sát quá trình sản xuất như sau:

* Biên bản lấy mẫu đánh giá lần đầu;
* Kết quả đánh giá lần đầu quá trình sản xuất;
* Báo cáo đánh giá lần đầu quá trình sản xuất;
* Biên bản lấy mẫu đánh giá giám sát (nếu có);
* Kết quả thử nghiệm mẫu đánh giá giám sát (nếu có);
* Kết quả đánh giá giám sát quá trình sản xuất;
* Báo cáo đánh giá giám sát quá trình sản xuất;
* Các Báo cáo khắc phục (nếu có).

### Hướng dẫn lấy mẫu và thử nghiệm

#### Lấy mẫu và thử nghiệm theo phương thức 1 và phương thức 5

Đối với chứng nhận theo phương thức 1 hoặc phương thức 5 thực hiện lấy mẫu và thử nghiệm như sau:

* Xác định họ sản phẩm và mẫu thử điển hình theo hướng dẫn tại Phụ lục I;
* Lấy mẫu thử nghiệm điển hình với số sản phẩm lấy mẫu thử điển hình phải đủ để thử nghiệm các chỉ tiêu thử nghiệm điển hình. Đối với phương thức 1 mẫu có thể do doanh nghiệp yêu cầu chứng nhận cung cấp hoặc do tổ chức chứng nhận lấy mẫu;
* Trong trường hợp doanh nghiệp yêu cầu chứng nhận cung cấp được kết quả thử nghiệm điển hình từ các tổ chức thử nghiệm như quy định trong quy chuẩn kỹ thuật thì tổ chức chứng nhận tiến hành xem xét, đánh giá sự phù hợp giữa sản phẩm được chứng nhận và kết quả thử nghiệm điển hình.
* Trong trường hợp doanh nghiệp yêu cầu chứng nhận không cung cấp được kết quả thử nghiệm điển hình thì tổ chức chứng nhận gửi mẫu điển hình đến tổ chức thử nghiệm được chỉ định để thử nghiệm điển hình;
* Kết quả thử nghiệm điển hình phải bao gồm toàn bộ các chỉ tiêu thử nghiệm quy định trong các tiêu chuẩn liên quan ở cột tiêu chuẩn áp dụng của Danh mục thiết bị điện.

#### Lấy mẫu và thử nghiệm theo phương thức 7

Đối với chứng nhận theo phương thức 7 thực hiện lấy mẫu và thử nghiệm như sau:

* Trong trường hợp doanh nghiệp yêu cầu chứng nhận cung cấp được kết quả thử nghiệm điển hình từ các tổ chức thử nghiệm như quy định trong quy chuẩn kỹ thuật thì tổ chức chứng nhận phải tiến hành xem xét, đánh giá sự phù hợp giữa sản phẩm thuộc lô hàng và kết quả thử nghiệm điển hình.
* Trong trường hợp doanh nghiệp yêu cầu chứng nhận không cung cấp được kết quả thử nghiệm điển hình thì tổ chức chứng nhận phải lấy mẫu và gửi mẫu điển hình đến tổ chức thử nghiệm được chỉ định để thử nghiệm điển hình.
* Kết quả thử nghiệm điển hình phải bao gồm toàn bộ các chỉ tiêu thử nghiệm quy định trong các tiêu chuẩn liên quan ở cột tiêu chuẩn áp dụng của Danh mục thiết bị điện.
* Đối với các lô hàng đã có kết quả thử nghiệm điển hình, tổ chức chứng nhận vẫn phải lấy mẫu đại diện trên mỗi lô hàng để thử nghiệm mẫu các chỉ tiêu thường bị ảnh hưởng bởi quá trình sản xuất. Số mẫu đại diện lô hàng và các chỉ tiêu thử nghiệm mẫu được quy định như trong ***Bảng 2.***

Trong trường hợp kết quả thử nghiệm mẫu trên mẫu đại diện lấy lần đầu có chỉ tiêu thử nghiệm điều 10, điều 13 và thử nghiệm tính liên tục của nối đất không phù hợp với quy định của quy chuẩn thì được phép lấy mẫu đại diện lần 2 với số mẫu gấp đôi số mẫu lấy lần đầu để thử nghiệm lại. Nếu kết quả thử nghiệm trên các mẫu đại diện lấy lại lần 2 đều phù hợp với quy định của quy chuẩn thì kết luận lô hàng phù hợp với quy chuẩn. Nếu trong các mẫu thử nghiệm lại lần 2 có ít nhất 1 mẫu không phù hợp với quy định của quy chuẩn thì kết luận lô hàng không phù hợp với quy chuẩn.

Trong trường hợp kết quả thử nghiệm mẫu trên mẫu đại diện lấy lần đầu có chỉ tiêu thử nghiệm điều 7 không phù hợp với quy định của quy chuẩn thì đánh giá dựa trên kết quả thử nghiệm mẫu lần đầu mà không cần lấy mẫu lần 2.

Trong trường hợp mẫu đại diện không phù hợp về kết cấu và linh kiện với mô tả trong kết quả thử nghiệm điển hình thì tùy theo mức độ không phù hợp có thể không chấp nhận kết quả thử điển hình hoặc chấp nhận kết quả thử nghiệm điển hình kết hợp với thử nghiệm bổ sung các chỉ tiêu liên quan đến việc thay đổi kết cấu, linh kiện.

Đối với các trường hợp lô hàng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật thì tổ chức chứng nhận phải lưu lại mẫu, chờ đến khi có quyết định xử lý của các cơ quan quản lý nhà nước.

Thực hiện miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP đối với các lô hàng nhập khẩu.

**Bảng 2:** Chỉ tiêu thử nghiệm bổ sung trên mỗi lô hàng

| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Tiêu chuẩn áp dụng** | **Số mẫu** | **Chỉ tiêu thử nghiệm mẫu** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Quạt điện dùng trong dân dụng (Quạt bàn, quạt đứng, quạt treo tường, quạt hộp, quạt trần, quạt phun sương và các loại quạt dùng trong dân dụng khác) | TCVN 5699-2-80:2007 | Mỗi lô hàng lấy 01 mẫu | - Điều 7: Ghi nhãn và hướng dẫn;- Điều 10: Công suất vào và dòng điện;- Điều 13: Dòng điện rò và độ bền điện ở nhiệt độ làm việc;- Điều A1 - Phụ lục A: Thử nghiệm tính liên tục của nối đất (Đối với thiết bị cấp 01 và cấp 1);- Kiểm tra sự phù hợp về kết cấu và linh kiện giữa mẫu thử và kết quả thử nghiệm điển hình. |
| 2 | Quạt thông gió có công suất không quá 125 W dùng trong dân dụng | TCVN 5699-2-80:2007 |
| 3 | Thiết bị chăm sóc tóc dùng điện dùng trong dân dụng (Máy sấy tóc, máy tạo kiểu tóc, máy hấp tóc và các thiết bị chăm sóc tóc khác) | TCVN 5699-2-23:2013 |
| 4 | Thiết bị cung cấp nước nóng, lạnh dùng trong dân dụng (Bao gồm cả thiết bị có lọc nước) | TCVN 5699-2-21:2013TCVN 5699-2-24:2007 |
| 5 | Thiết bị đun nấu chất lỏng dùng trong dân dụng (Nồi cơm điện, nồi áp suất, nồi nấu chậm, nồi hấp, ấm đun nước, phích điện, ấm sắc thuốc, máy làm sữa đậu nành và các thiết bị đun nấu chất lỏng dùng trong gia đình khác) | TCVN 5699-2-15:2013 |

# Các tài liệu, biểu mẫu sử dụng

PHỤ LỤC I - Hướng dẫn nhóm sản phẩm và chọn mẫu điển hình.

PHỤ LỤC II - Mẫu Giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm được đánh giá chứng nhận theo phương thức 1 hoặc phương thức 5.

PHỤ LỤC III - Mẫu Giấy chứng nhận hợp quy đối với lô hàng sản xuất trong nước được đánh giá chứng nhận theo phương thức 7.

PHỤ LỤC IV - Mẫu Giấy chứng nhận hợp quy đối với lô hàng nhập khẩu được đánh giá chứng nhận theo phương thức 7.

PHỤ LỤC V - Mẫu Giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm được đánh giá chứng nhận về tương thích điện từ theo phương thức 1.

PHỤ LỤC VI - Hướng dẫn cách thể hiện dấu hợp quy (CR) và các thông tin liên quan đến dấu hợp quy và Giấy chứng nhận hợp quy.

**PHỤ LỤC I**

Hướng dẫn nhóm sản phẩm và chọn mẫu điển hình

(Hướng dẫn này dựa trên hướng dẫn OD-CB2401-Ed 1.0 Guide on Product Families, Family Ranges or Series of Products của tổ chức IECEE)

# Hướng dẫn nhóm sản phẩm

Có thể nhóm các sản phẩm có cùng đặt trưng vào cùng một họ sản phẩm để từ đó chọn ra mẫu điển hình để thử nghiệm điển hình và kết quả thử nghiệm điển hình này sẽ đại diện cho cả họ sản phẩm.

Điều kiện để nhóm các kiểu sản phẩm vào cùng một họ sản phẩm là các kiểu sản phẩm phải có các đặc tính sau:

* Cùng một thiết kế chung;
* Cùng cấu trúc;
* Cùng linh kiện hoặc kiểu linh kiện.

Đảm bảo các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn hoặc tương thích điện từ của các kiểu sản phẩm là như nhau trong cùng một họ sản phẩm.

Các kiểu sản phẩm trong cùng một họ sản phẩm có thể có một số khác biệt về hình dạng bên ngoài, màu sắc, thông số về dòng điện, công suất của một số linh kiện nhưng bản chất các sự khác biệt này ảnh hưởng đến đặc tính an toàn hoặc tương thích điện từ của sản phẩm là như nhau.

Trong cùng nhóm các sản phẩm, họ sản phẩm về an toàn có thể khác với họ sản phẩm về tương thích điện từ.

# Chọn mẫu điển hình

Các kiểu sản phẩm được chọn làm mẫu điển hình phải là các kiểu sản phẩm có độ rủi ro mất an toàn hoặc khả năng gây nhiễu điện từ cao nhất trong họ sản phẩm. Mẫu điển hình phải có cấu hình tối đa trong họ sản phẩm, nếu không chọn được kiểu sản phẩm có cấu hình tối đa thì phải chọn vài kiểu sản phẩm sao cho tổ hợp của các kiểu sản phẩm được chọn sẽ có cấu hình tối đa.

Các mẫu điển hình được chọn cho thử nghiệm an toàn có thể khác với mẫu điển hình được chọn để thử tương thích điện từ.

# Một số ví dụ về nhóm sản phẩm và chọn mẫu điển hình

**Ví dụ 1 - Thiết bị đốt nóng**

Các lò nướng điện di động (TCVN 5699-2-9) có cùng kết cấu và hình dạng nhưng khác nhau về kích thước, công suất điện trở đốt nóng và một số linh kiện như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Model** | **Công suất điện trở đốt nóng** | **Có đèn** | **Có quạt đối lưu** | **Có động cơ cho chức năng quay** | **Các linh kiện khác** |
| A | 1380 |  | X |  | Có cùng cầu nhiệt và bộ điều nhiệt |
| A1 | 1380 | X |  | X |
| A2 | 1380 | X | X | X |
| B | 1600 | X |  | X | Có cùng cầu nhiệt và bộ điều nhiệt nhưng khác với loại ở model A |
| B1 | 1600 | X |  |  |
| C | 2000 |  | X |  | Có cùng cầu nhiệt và bộ điều nhiệt. Cùng kiểu nhưng khác về dòng điện danh định với model B |
| C1 | 2000 | X |  | X |

Có thể nhóm các sản phẩm trên vào chung trong một họ sản phẩm và chọn mẫu thử nghiệm điển hình như sau:

Mẫu C1: Thử tất cả các chỉ tiêu theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 5699-2-9

Mẫu A2: Thử bổ sung điều 10, 11, 13, 15, 19.3, 19.4, 19.7, 24, 30.

**Ví dụ 2 - Thiết bị truyền động bằng động cơ điện**

Các quạt điện có cùng kiểu động cơ điện, cùng kết cấu thân quạt và các linh kiện nhưng khác nhau về công suất và tụ điện như sau:

6.0W/7.0W (50Hz/60HZ); 9.5W/10.5W (50Hz/60HZ); 12.5W/15.0W (50Hz/60HZ); 16.5W/19.0W (50Hz/60HZ).

Có thể nhóm các sản phẩm trên vào chung trong một họ sản phẩm và chọn mẫu thử nghiệm điển hình là loại 16.5W/19.0W (50Hz/60HZ) vì thử nghiệm trên model này sẽ cho kết quả bất lợi nhất.

**Ví dụ 3 – Thử nghiệm tương thích điện từ cho tủ lạnh**

Các tủ lạnh có cùng thiết kế cơ bản (có cùng kết cấu, sơ đồ mạch điện, bố trí linh kiện), các linh kiện chính liên quan đến nhiễu điện từ như mạch điều khiển, bộ điều nhiệt, máy nén, mạch lọc nhiễu có cùng mã số hoặc cùng kiểu thiết kế. Các tủ lạnh này chỉ khác nhau về dung tính và công suất danh định như sau:

203L/125W; 230L/125W; 260L/130W; 290L/130W; 584L/145W; 600/145W.

Có thể nhóm các sản phẩm trên vào chung trong một họ sản phẩm và chọn mẫu thử nghiệm điển hình là loại 584L/145W hoặc 600/145W vì thử nghiệm trên model này sẽ cho kết quả bất lợi nhất về tương thích điện từ.

**PHỤ LỤC II**

Mẫu giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm được đánh giá chứng nhận theo phương thức 1 hoặc phương thức 5

|  |
| --- |
| **Tên Tổ chức Chứng nhận**(logo nếu có)**GIẤY CHỨNG NHẬN****Số:**…………………..**Sản phẩm:** (Tên sản phẩm, nhãn hiệu, kiểu, thông số kỹ thuật cơ bản)**Doanh nghiệp yêu cầu chứng nhận:** (Tên và địa chỉ doanh nghiệp yêu cầu CN)**Nhà sản xuất:** (Tên và địa chỉ nhà sản xuất)**Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:****QCVN :2020/BKHCN**ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)**Phương thức chứng nhận*:*****Phương thức 1 (hoặc Phương thức 5)**(Thông tư số [28/2012/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2007/Q%C4%90-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1" \t "_blank) ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)***Giấy chứng nhận có giá trị từ:****………………….. đến: ………………………*Đại diện có thẩm quyền của Tổ chức Chứng nhận(Ký tên, đóng dấu)Mẫu dấu hợp quy (CR) |

**PHỤ LỤC III**

Mẫu Giấy chứng nhận hợp quy đối với lô hàng sản xuất trong nước được đánh giá chứng nhận theo phương thức 7

|  |
| --- |
| **Tên Tổ chức Chứng nhận**(logo nếu có)**GIẤY CHỨNG NHẬN****Số:**…………………..**Lô hàng:** (Tên sản phẩm, nhãn hiệu, kiểu, số lượng, thông số kỹ thuật cơ bản)**Doanh nghiệp yêu cầu chứng nhận:** (Tên và địa chỉ doanh nghiệp yêu cầu CN)**Nhà sản xuất:** (Tên và địa chỉ nhà sản xuất)**Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:****QCVN :2020/BKHCN**ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)**Phương thức chứng nhận*:*****Phương thức 7**(Thông tư số [28/2012/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2007/Q%C4%90-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1" \t "_blank) ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)**Ngày cấp Giấy chứng nhận:** *………………………*Đại diện có thẩm quyền của Tổ chức Chứng nhận(Ký tên, đóng dấu)Mẫu dấu hợp quy (CR) |

**PHỤ LỤC IV**

Mẫu Giấy chứng nhận hợp quy đối với lô hàng nhập khẩu được đánh giá chứng nhận theo phương thức 7

|  |
| --- |
| **Tên Tổ chức Chứng nhận**(logo nếu có)**GIẤY CHỨNG NHẬN****Số:**…………………..**Lô hàng:** (Tên sản phẩm, nhãn hiệu, kiểu, số lượng, thông số kỹ thuật cơ bản)(Hợp đồng, hóa đơn, vận đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu)**Doanh nghiệp nhập khẩu:** (Tên và địa chỉ doanh nghiệp nhập khẩu)**Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:****QCVN :2020/BKHCN**ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)**Phương thức chứng nhận*:*****Phương thức 7**(Thông tư số [28/2012/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2007/Q%C4%90-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1" \t "_blank) ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)**Ngày cấp Giấy chứng nhận:** *………………………*Đại diện có thẩm quyền của Tổ chức Chứng nhận(Ký tên, đóng dấu)Mẫu dấu hợp quy (CR) |

**PHỤ LỤC V**

Mẫu giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm được đánh giá chứng nhận về tương thích điện từ theo phương thức 1

|  |
| --- |
| **Tên Tổ chức Chứng nhận**(logo nếu có)**GIẤY CHỨNG NHẬN****Số:**…………………..**Sản phẩm:** (Tên sản phẩm, nhãn hiệu, kiểu, thông số kỹ thuật cơ bản)**Doanh nghiệp yêu cầu chứng nhận:** (Tên và địa chỉ doanh nghiệp yêu cầu CN)**Nhà sản xuất:** (Tên và địa chỉ nhà sản xuất)**Phù hợp với các yêu cầu về tương thích điện từ của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:****QCVN :2020/BKHCN****Phương thức chứng nhận*:*****Phương thức 1**(Thông tư số [28/2012/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2007/Q%C4%90-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1" \t "_blank) ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)***Giấy chứng nhận có giá trị từ:****………………….. đến: ………………………*Đại diện có thẩm quyền của Tổ chức Chứng nhận(Ký tên, đóng dấu) |

**PHỤ LỤC VI**

**Hướng dẫn cách thể hiện dấu hợp quy (CR) và các thông tin liên quan đến dấu hợp quy và Giấy chứng nhận hợp quy**

1. Hình dạng, kích thước và cách thể hiện dấu hợp quy

Hình dạng, kích thước và cách thể hiện của dấu hợp quy (dấu CR) được quy định tại Thông tư số [28/2012/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2007/Q%C4%90-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 12/12/2012 và Thông tư số [02/2017/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2007/Q%C4%90-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

1. Các thông tin liên quan trên dấu hợp quy
	1. Các thông tin liên quan trên dấu hợp quy cho sản phẩm chỉ chứng nhận an toàn theo phương thức 1 hoặc phương thức 5

|  |  |
| --- | --- |
| ABC | IN TEM Há»¢P QUY CR CHUYÃN NGHIá»P**S-XYZ** |

Trong đó:

**ABC:** Tên tổ chức chứng nhận (ghi tên viết tắt tiếng Việt hay tiếng nước ngoài của tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc thừa nhận với font chữ và kích thước thích hợp).

**XYZ:** Mã số chứng nhận do tổ chức chứng nhận cấp cho Doanh nghiệp yêu cầu, mỗi Doanh nghiệp chỉ được cấp một mã số duy nhất cho tất cả các sản phẩm được tổ chức chứng nhận ABC chứng nhận.

**S:** Là chữ đầu của từ "Safety"

* 1. Các thông tin liên quan trên dấu hợp quy cho sản phẩm chỉ chứng nhận an toàn theo phương thức 7

Dấu hợp quy và các thông tin liên quan đối với chứng nhận theo phương thức 7 thể hiện như sau

|  |  |
| --- | --- |
| ABC | IN TEM Há»¢P QUY CR CHUYÃN NGHIá»P |

Trong đó:

**ABC:** Tên tổ chức chứng nhận (ghi tên viết tắt tiếng Việt hay tiếng nước ngoài của tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc thừa nhận với font chữ và kích thước thích hợp).

* 1. Các thông tin liên quan trên dấu hợp quy cho sản phẩm chỉ chứng nhận tương thích điện từ theo phương thức 1

|  |  |
| --- | --- |
| ABC | IN TEM Há»¢P QUY CR CHUYÃN NGHIá»P**E-XYZ** |

Trong đó:

**ABC:** Tên tổ chức chứng nhận (ghi tên viết tắt tiếng Việt hay tiếng nước ngoài của tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc thừa nhận với font chữ và kích thước thích hợp).

**XYZ:** Mã số chứng nhận do tổ chức chứng nhận cấp cho Doanh nghiệp yêu cầu, mỗi Doanh nghiệp chỉ được cấp một mã số duy nhất cho tất cả các sản phẩm được tổ chức chứng nhận ABC chứng nhận.

**E:** Là chữ đầu của nhóm từ "EMC"

* 1. Các thông tin liên quan trên dấu hợp quy cho sản phẩm chứng nhận tương thích điện từ theo phương thức 1 và chứng nhận an toàn theo phương thức 1, phương thức 7 hoặc phương thức 5

|  |  |
| --- | --- |
| ABC | IN TEM Há»¢P QUY CR CHUYÃN NGHIá»P**ES-XYZ** |

Trong đó:

**ABC:** Tên tổ chức chứng nhận (ghi tên viết tắt tiếng Việt hay tiếng nước ngoài của tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc thừa nhận với font chữ và kích thước thích hợp).

**XYZ:** Mã số chứng nhận do tổ chức chứng nhận cấp cho Doanh nghiệp yêu cầu, mỗi Doanh nghiệp chỉ được cấp một mã số duy nhất cho tất cả các sản phẩm được tổ chức chứng nhận ABC chứng nhận.

**E:** Là chữ đầu của nhóm từ "EMC"

**S:** Là chữ đầu của từ "Safety"

* 1. Hướng dẫn về dấu CR và Giấy chứng nhận hợp quy trong giai đoạn chuyển đổi và chu kỳ chứng nhận đầu tiên theo Quy chuẩn kỹ thuật mới

Trong giai đoạn chuyển đổi kể từ thời điểm Quy chuẩn kỹ thuật QCVN XX:2020/BKHCN (Quy chuẩn kỹ thuật mới) được ban hành cho đến thời điểm hết hiệu lực theo thời gian hiệu lực của các Giấy chứng nhận theo QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN và các Giấy chứng nhận theo QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN (Quy chuẩn kỹ thuật cũ) đã phát hành ở thời điểm trước đó, những quy định dưới đây được áp dụng:

* Các Giấy chứng nhận theo QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN và các Giấy chứng nhận theo QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN vẫn có giá trị trong thời gian hiệu lực;
* Dấu chứng nhận gắn trên các sản phẩm đã được chứng nhận vẫn theo các quy định cũ;
* Đối với các sản phẩm đã chứng nhận tương thích điện từ theo phương thức 1 và chứng nhận an toàn theo phương thức 1 hoặc phương thức 5, khi có 1 trong 2 Giấy chứng nhận (an toàn hoặc tương thích điện từ) đã được cấp cho các sản phẩm này hết hiệu lực, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin chứng nhận lại theo Quy chuẩn kỹ thuật mới tại tổ chức chứng nhận đã đăng ký theo quy định. Kèm theo hồ sơ xin chứng nhận là các Giấy chứng nhận đã cấp cho các sản phẩm này. Tổ chức chứng nhận chỉ thực hiện các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật mới liên quan đến Giấy chứng nhận đã hết hiệu lực. Với các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật mới liên quan đến Giấy chứng nhận còn hiệu lực, tổ chức chứng nhận chỉ thực hiện xem xét và chấp nhận Giấy chứng nhận này để cấp Giấy chứng nhận theo Quy chuẩn kỹ thuật mới cho sản phẩm. Không cần xem xét đến thời hạn của Giấy chứng nhận cũ còn hiệu lực, thời hạn của Giấy chứng nhận mới là 3 năm.
* Đối với các sản phẩm đã chứng nhận tương thích điện từ theo phương thức 1 và chứng nhận an toàn theo phương thức 7. Khi yêu cầu chứng nhận hợp quy an toàn cho lô hàng theo Quy chuẩn kỹ thuật mới mà Giấy chứng nhận tương thích điện từ theo Quy chuẩn kỹ thuật cũ vẫn còn hiệu lực thì tổ chức, cá nhân yêu cầu chứng nhận hợp quy phải nộp kèm hồ sơ xin chứng nhận Giấy chứng nhận tương thích điện từ theo Quy chuẩn kỹ thuật cũ vẫn còn hiệu lực. Tổ chức chứng nhận chỉ thực hiện xem xét và chấp nhận Giấy chứng nhận này để cấp Giấy chứng nhận cho lô hàng theo Quy chuẩn kỹ thuật mới.
* Đối với các sản phẩm chỉ yêu cầu về an toàn hoặc chỉ yêu cầu về tương thích điện từ theo Quy chuẩn kỹ thuật mới thì thực hiện chứng nhận hợp quy theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật mới.

Trong chu kỳ đầu tiên chứng nhận theo Quy chuẩn kỹ thuật mới, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vẫn có thể sử dụng các tem hợp quy CR đã in theo theo quy định cũ hoặc tem hợp quy CR in mới theo quy định của Hướng dẫn này.

Từ chu kỳ chứng nhận thứ 2 trở đi, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải gắn dấu hợp quy CR lên sản phẩm theo quy định của Hướng dẫn này./.